

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2025
V/v Ly hôn, trA1 chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DA1
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Thọ.
2. Ông Nguyễn Văn Ánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 599/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc: “Ly hôn, trA1 chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thúy A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: khóm 4, thị trấn Mỹ A, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: A1 Mai Tuấn A1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khóm 4, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Đặng Thị Thúy A là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chị A, A1 Tuấn A1 sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã Vĩnh Quỳnh, huyện ThA1 Trì, thành phố Hà Nội vào ngày 21/10/2015. Thời giA đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo hơn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì quA hệ hôn nhân được nữa, việc sống chung chỉ làm khổ cho cả hai

người. Hiện nay vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay. Do đó chị Đặng Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn với A1 Mai Tuấn A1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Mai Tuấn Kiệt, sinh năm 2016 và Mai A1 Tuấn, sinh năm 2018. Hiện nay con chung tên Kiệt đAg sống với chị A, con chung tên Tuấn sống chung với A1 Tuấn A1. Khi ly hôn chị A yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Mai Tuấn Kiệt; chị A đồng ý giao con chung tên Mai A1 Tuấn cho A1 Tuấn A1 nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là A1 Mai Tuấn A1 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị A nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA1 luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đặng Thị Thúy A có đơn yêu cầu được ly hôn, trA1 chấp nuôi con với A1 Mai Tuấn A1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quA hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, trA1 chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

A1 Mai Tuấn A1 là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở khóm 4, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quA hệ hôn nhân: Vợ chồng chị A, A1 Tuấn A1 sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã Vĩnh Quỳnh, huyện ThA1 Trì, thành phố Hà Nội vào ngày 21/10/2015, do đó hôn nhân giữa chị A và A1 Tuấn A1 là hợp pháp. Thời giA đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo hơn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì quA hệ hôn nhân được nữa, việc sống chung chỉ làm khổ cho cả hai người. Vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay. Do đó chị Đặng Thị Thúy A yêu cầu được ly hôn với A1 Mai Tuấn A1.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập A1 Mai Tuấn A1 tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng A1 Tuấn A1 vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị A. Xét thấy giữa chị A và A1 Tuấn A1 không còn yêu thương, quA tâm,

chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của A1, chị không đạt được. Nay chị A yêu cầu ly hôn với A1 Tuấn A1 là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị A và A1 Tuấn A1 mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Thúy A.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Mai Tuấn Kiệt, sinh năm 2016 và Mai A1 Tuấn, sinh năm 2018. Hiện nay con chung tên Kiệt đang sống với chị A, con chung tên Tuấn sống chung với A1 Tuấn A1. Khi ly hôn chị A yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Mai Tuấn Kiệt; chị A đồng ý giao con chung tên Mai A1 Tuấn cho A1 Tuấn A1 nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho chị A hay cho A1 Tuấn A1 nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét thấy từ khi chị A, A1 Tuấn A1 xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị A là người chăm sóc con chung tên Mai Tuấn Kiệt; còn con chung tên Mai A1 Tuấn thì A1 Tuấn A1 là người trực tiếp chăm sóc con chung. Bên cạnh đó theo văn bản ghi ý kiến của con chung thì con chung tên Mai Tuấn Kiệt có nguyện vọng được sống với chị A. Do đó để con chung tên Mai Tuấn Kiệt, sinh năm 2016 cho chị Đặng Thị Thúy A được tiếp tục nuôi dưỡng. A1 Tuấn A1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu. Để con chung tên Mai A1 Tuấn, sinh ngày 22/9/2018 cho A1 Mai Tuấn A1 được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do A1 Tuấn A1 không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; A1 Tuấn A1 không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị A trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; A1 Tuấn A1 không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Chị Đặng Thị Thúy A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Thúy A.

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Thúy A được ly hôn với A1 Mai Tuấn A1.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Thúy A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Mai Tuấn Kiệt, sinh ngày 04/4/2016. A1 Tuấn A1 không phải cấp dưỡng nuôi con chị A không có yêu cầu.

A1 Mai Tuấn A1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Mai A1 Tuấn, sinh ngày 22/9/2018. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do A1 Tuấn A1 không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; A1 Tuấn A1 không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị A trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; A1 Tuấn A1 không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011591 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Như vậy, tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã Vĩnh Quỳnh, huyện ThA1 Trì, thành phố Hà Nội (Giấy CNKH số 129 ngày 21/10/2015);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Đ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Ngọc